TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4443/2024/DS-ST
Ngày: 19/9/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng.

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Bình Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1175/2024/TLST– DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5773/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 6985/2024/QĐH-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1)

Địa chỉ: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T.

Địa chỉ: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt), có đơn xin xét xử vắng mặt.

(Theo giấy ủy quyền số 824/2024/GUQ-TGĐ ngày 16/01/2024)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1982.

Thường trú: 2.2 Đường số A, Khu phố F, phường T, thành phố T, Thành phố

Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2024 và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 08/5/20219, bà Nguyễn Ngọc N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Ngọc N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Ngọc N đã thực hiện các giao dịch với Tổng số tiền là 80.320.023 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Ngọc N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 76.417.674 đồng. Kể từ ngày 23/3/2023, bà Nguyễn Ngọc N không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Ngọc N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Ngọc N phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đồng thời khởi kiện khách hàng. Tính đến ngày 09/7/2024, bà Nguyễn Ngọc N còn nợ là: 82.638.846 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 50.507.289 đồng; Lãi quá hạn 32.131.557 đồng.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc bà Nguyễn Ngọc N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/9/2024, bà Nguyễn Ngọc N còn nợ là: 86.222.414 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 49.507.289 đồng; Lãi quá hạn 36.715.125 đồng.

2 Buộc bà Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngân hàng xác định chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Ngọc N trả nợ, không yêu cầu ai khác.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc N, đã được toà án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc N đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến toà, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 08/5/2019, bà Nguyễn Ngọc N có ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T2 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với nội dung cụ thể như sau: Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: Loại thẻ Visa Pay Wave Cre Gold An Toàn, số thẻ 526830-2563, Lãi suất áp dụng 2.532%.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Nguyễn Ngọc N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 80.320.023 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 76.417.647 đồng. Kể từ ngày 22/2/2023, bà Nguyễn Ngọc N vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, đã ký, không thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng bất kỳ khoản nào dù đã đôn đốc và nhắc nhở nhiều. Vì vậy, kể ngày 23/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do bà Nguyễn Ngọc N vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên

Ngân hàng yêu cầu bà thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 19/9/2024 là 86.222.414 đồng (Bằng chữ: T1 mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm mười bốn) đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 49.507.289 đồng đồng; Lãi quá hạn 36.715.125 đồng.

Xét thấy, hình thức và nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Ngoài ra, Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn *"Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự 2005, Bộ luật Dân sự 2015 để xác định lãi, lãi suất".*

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc bà Nguyễn Ngọc N phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 19/9/2024 là 86.222.414 đồng (Bằng chữ: T1 mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm mười bốn) đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 49.507.289 đồng đồng; Lãi quá hạn 36.715.125 đồng.

Ngoài ra bà Nguyễn Ngọc N còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Ngọc N phải chịu tiền án phí. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc bà Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S tổng số tiền là: 86.222.414 đồng (Bằng chữ: Tám mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm mười bốn) đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 49.507.289 đồng đồng; Lãi quá hạn 36.715.125 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc N còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 20/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 4.311.121 (bốn triệu ba trăm mười một nghìn một trăm hai mươi mốt) đồng bà Nguyễn Ngọc N phải chịu, bà Nguyễn Ngọc N chưa nộp tiền án phí.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.861.270 (một triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi) đồng theo Biên lai thu số 0027194 ngày 30/5/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Thủ Đức

- Chi cục Thi hành án dân sự TP Thủ Đức;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: VT, hồ sơ.

Đỗ Thị Thu Trang